

NGÂN HÀNG NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
DỊCH VỤ *WEB-MONEY*

(Phần dành cho Khách hàng)

Hà nội, tháng 08 năm 2003

Phần I

GIỚI THIỆU CHUNG

Chương trình VCB-MONEY của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (NHNT) được xây dựng với mục đích hỗ trợ cho hoạt động và nghiệp vụ của các cơ quan, doanh nghiệp và các định chế tài chính có quan hệ về thanh toán và tài khoản với NHNT.

Chương trình có khả năng cung cấp các thông tin như: tỷ giá hối đoái, lãi suất, số dư tài khoản, sao kê tài khoản cùng toàn bộ các thông tin khác có liên quan đến khách hàng cũng như các thông tin mang tính chất tư vấn của ngân hàng có thể cung cấp cho khách hàng. Ngoài ra, điểm đặc biệt quan trọng là thông qua dịch vụ VCB-MONEY, khách hàng có thể thực hiện các yêu cầu về thanh toán (ủy nhiệm chi, mua bán ngoại tệ, chuyển tiền, chi trả lương...) cho ngân hàng thay cho việc phải trực tiếp đến Ngân hàng giao dịch, do vậy góp phần giảm chi phí, giảm thiểu rủi ro cho khách hàng.

Chương trình VCB-MONEY tận dụng khả năng xử lý trực tuyến và hệ thống quản lý thông tin khách hàng tập trung, với dịch vụ VCB-MONEY của NHNT, khách hàng có thể chuyển toàn bộ các giao dịch *thanh toán liên ngân hàng (Inter-Bank)* qua NHNT. Với tư cách là thành viên chính thức của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng IBPS, các giao dịch thanh toán của khách hàng sẽ được thực hiện ngay trong ngày.

Hệ thống VCB-MONEY của NHNT có ưu thế nổi bật hơn so với các sản phẩm của các Ngân hàng khác đó là khả năng điều chỉnh (customize), tích hợp với hệ thống ứng dụng hiện có của mỗi khách hàng. Hệ thống có thể tiếp nhận dữ liệu (các yêu cầu thanh toán) do các hệ thống hiện có của khách hàng thực hiện và chuyển đổi trực tiếp vào hệ thống VCB-MONEY của NHNT mà không cần phải nhập lại dữ liệu, tránh được sai sót cũng như giảm thiểu thời gian thực hiện.

Hệ thống được thiết kế và sử dụng các giải pháp bảo mật chuẩn và tiện lợi cho người sử dụng đảm bảo an toàn trong thanh toán cho cả ngân hàng và khách hàng.

Mọi yêu cầu thực hiện nhận được từ khách hàng sử dụng hệ thống VCB-MONEY của NHNT đều được chuẩn hoá và xử lý tại Ngân hàng theo cơ chế STP (Straight Through Processing) đảm bảo khả năng xử lý nhanh và tự động hoá cao.

NHNT sẽ thường xuyên cập nhật tự động các phiên bản mới cũng như những tiện ích mới của hệ thống VCB-MONEY cho khách hàng.

1. MỘT SỐ KHÁI NIỆM TRONG SỬ DỤNG DỊCH VỤ VCB-MONEY

- “**Ngân hàng**” là Ngân hàng Ngoại thương Việt nam (NHNT VN) bao gồm Hội sở chính, Sở giao dịch và các chi nhánh trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào việc cung ứng và quản lý dịch vụ VCB-MONEY.
- “**Hệ thống Ngân hàng điện tử VCB-MONEY của Ngân hàng Ngoại thương Việt nam**” (sau đây được gọi là “**Hệ thống VCB-MONEY**”) là hệ thống dịch vụ ngân hàng điện tử do Ngân hàng cung cấp cho Khách hàng.
- “**Các dịch vụ trên hệ thống Ngân hàng điện tử VCB-MONEY của Ngân hàng Ngoại thương Việt nam**” (sau đây được gọi là “**Dịch vụ VCB-MONEY**”) là các dịch vụ ngân hàng điện tử thực hiện thông qua hệ thống VCB-MONEY của Ngân hàng.
- “**Khách hàng**” là các Tổ chức tín dụng, Tổ chức kinh tế hoạt động trên lãnh thổ Việt nam có tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng, được sử dụng dịch vụ VCB-MONEY.
- “**Lệnh giao dịch VCB-MONEY**”: Là bức điện chứa các chỉ thị và các nội dung chi tiết cho yêu cầu giao dịch thanh toán qua hệ thống VCB-MONEY. Một lệnh giao dịch VCB-MONEY có thể là Lệnh chuyển tiền Có hoặc Lệnh chuyển tiền Nợ.
- “**Lệnh chuyển tiền Có**”: Là lệnh của Khách hàng chỉ thị Ngân hàng trích tiền từ tài khoản của mình để ghi Có cho người hưởng.
- “**Lệnh chuyển tiền Nợ**”: Là lệnh của Khách hàng chỉ thị Ngân hàng thu tiền từ người trả tiền.
- “**Chữ ký điện tử**”: Khi tham gia dịch vụ VCB-MONEY, Khách hàng sử dụng chữ ký điện tử để giao dịch. Chữ ký điện tử là yếu tố để xác định người được phép giao dịch và đảm bảo tính xác thực của chứng từ điện tử VCB-MONEY.

2. ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG DỊCH VỤ VCB-MONEY

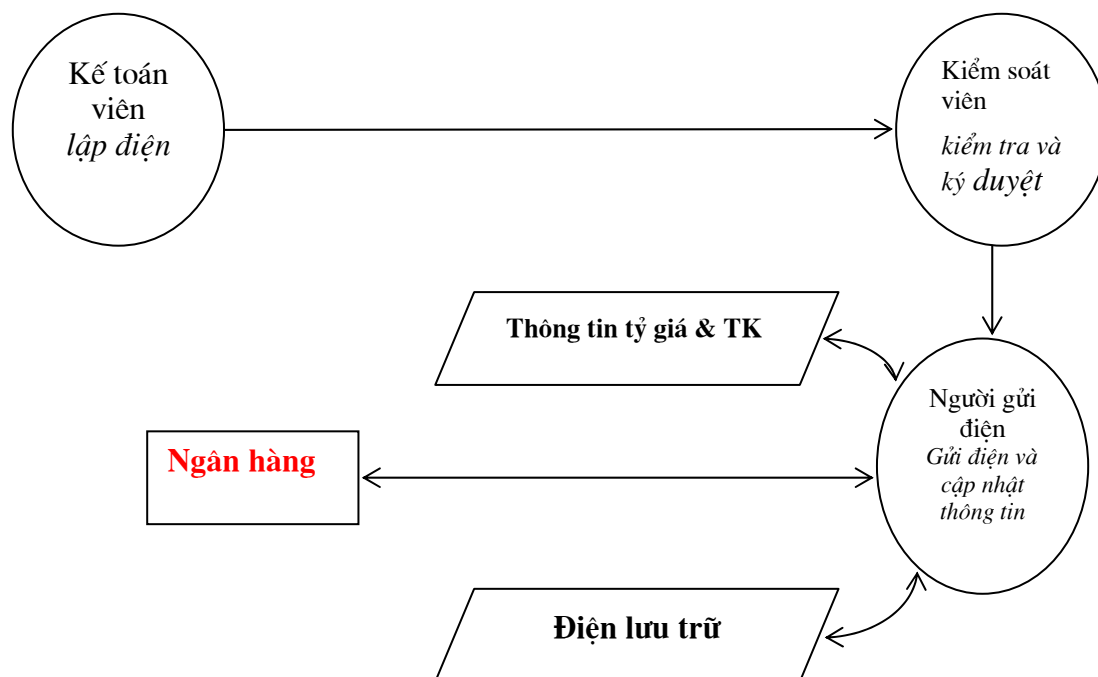
Khách hàng tham gia dịch vụ VCB-MONEY phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Là các Tổ chức Tín dụng, Tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam;
2. Có tài khoản tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng;
3. Có đầy đủ thiết bị cần thiết theo yêu cầu của Ngân hàng (máy tính có bộ xử lý 486DX, 150MG trong ổ đĩa cứng, chạy trên Window 95 hoặc cao hơn, Window NT, một modem với tốc độ đường truyền 9600bps trở lên, mạng điện thoại, ..)

3. TRÌNH TỰ CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ

- Khách hàng đủ điều kiện tham gia dịch vụ VCB-MONEY sẽ tiến hành ký kết Hợp đồng cung ứng và sử dụng dịch vụ VCB-MONEY với Ngân hàng;
- Khi các thủ tục tiến hành tại Ngân hàng đã hoàn tất, Ngân hàng sẽ gửi trực tiếp chữ ký điện tử tới Khách hàng bằng thư bảo đảm và tiến hành cài đặt chương trình VCB-MONEY cho Khách hàng;
- Ngân hàng hướng dẫn Khách hàng sử dụng dịch vụ VCB-MONEY;
- Sau khi Khách hàng đã được cấp chữ ký điện tử, chương trình và mã truy cập dịch vụ, Khách hàng sẽ tiến hành các giao dịch VCB-MONEY với Ngân hàng;
- Chữ ký điện tử trong dịch vụ VCB-MONEY được phép thay đổi và cấp lại. Khi thay đổi, Khách hàng cần nộp đơn yêu cầu thay đổi, cấp lại chữ ký điện tử cho Ngân hàng nêu rõ lý do và đính kèm với danh sách chữ ký cần được thay đổi, cấp lại. Đơn yêu cầu thay đổi, cấp lại chữ ký điện tử phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được uỷ quyền ký. Nếu yêu cầu hợp lệ, Ngân hàng sẽ thay đổi hoặc cấp lại chữ ký điện tử theo đúng yêu cầu của Khách hàng.
- Thời điểm bắt đầu và kết thúc giao dịch trong một ngày được xác định như trường hợp Khách hàng đến giao dịch trực tiếp với Ngân hàng. Những giao dịch được thực hiện ngoài thời gian giao dịch chung của Ngân hàng, hoặc vào ngày nghỉ, ngày lễ, tết sẽ được thực hiện vào ngày làm việc tiếp theo gần nhất của Ngân hàng. Khi có sự thay đổi về thời gian giao dịch trong dịch vụ VCB-MONEY, Ngân hàng sẽ thông báo kịp thời cho Khách hàng.
- Các dịch vụ VCB-MONEY Ngân hàng hiện cung ứng:
 - Nhóm dịch vụ truy vấn thông tin:
 - Truy vấn số dư tài khoản
 - Truy vấn thông tin tỷ giá hối đoái, biểu phí, lãi suất
 - In, truy vấn sổ phụ tài khoản
 - In, truy vấn sao kê hoạt động tài khoản theo giai đoạn
 - Các dịch vụ truy vấn khác
 - Nhóm dịch vụ thanh toán:
 - Chuyển tiền đi trong nước
 - Chuyển tiền đi nước ngoài
 - Mua bán ngoại tệ
 - Dịch vụ trả lương nhân viên
 - Các dịch vụ thanh toán khác

4. QUY TRÌNH HOẠT ĐỘNG GIỮA KHÁCH HÀNG – NGÂN HÀNG



5. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH

5.1 Các khái niệm trong sử dụng chương trình:

- Kế toán viên (Accountant): Người soạn, sửa giao dịch tại phía Khách hàng
- Kiểm soát viên (Verifier): Người xác nhận giao dịch tại phía Khách hàng
- Chủ tài khoản (Accountant Holder): Người duyệt (Approver) giao dịch tại phía Khách hàng. Đây là người có đăng ký chữ ký điện tử tại Ngân hàng.
- Người gửi lệnh (Sender): Người gửi các giao dịch đã được chủ tài khoản duyệt tới Ngân hàng, đồng thời lấy các thông tin và nhận phản hồi từ Ngân hàng về. Đây là người nắm username và password để kết nối với Ngân hàng.
- Người quản trị hệ thống (Admin): Là người có quyền tạo lập các username, password và phân quyền kế toán viên, Kiểm soát viên hay chủ tài khoản để sử dụng chương trình. Khách hàng tự quản lý menu thiết lập này.

5.2 Các mức sử dụng chương trình:

Mỗi Khách hàng khi tham gia thanh toán qua chương trình VCB-MONEY của Ngân hàng phải xác định rõ Mức sử dụng chương trình của mình. Mức sử dụng chương trình này sẽ được cán bộ tin học của Ngân hàng thiết lập theo yêu cầu của Khách hàng khi

tiến hành cài đặt chương trình cho Khách hàng. Mức sử dụng chương trình bao gồm mức 2, mức 3 và mức B.

a. Mức 2: Bao gồm Kế toán viên và Chủ tài khoản:

- Kế toán viên: Được phép tạo, sửa và in ấn các giao dịch.
- Chủ tài khoản: Dùng chữ ký điện tử của mình để duyệt giao dịch mà Kế toán viên đã lập. Có thể in các giao dịch. Mỗi Khách hàng tùy vào yêu cầu của mình có thể phân hạn mức duyệt đối với Chủ tài khoản.

b. Mức 3: Bao gồm Kế toán viên, Kiểm soát viên và Chủ tài khoản:

- Kế toán viên: Được phép tạo, sửa các giao dịch chưa được duyệt và in ấn các giao dịch;
- Kiểm soát viên: Xác nhận lại các giao dịch mà kế toán viên đã hành tự. Có thể in các giao dịch;
- Chủ tài khoản: Duyệt các giao dịch mà Kiểm soát viên đã xác nhận. Có thể in các giao dịch. Mỗi Khách hàng, tùy vào yêu cầu của mình, có thể phân hạn mức duyệt đối với Chủ tài khoản.

Tại hai mức này, khi thiết lập quyền vào chương trình, người nắm chữ ký điện tử luôn được phân quyền là Chủ tài khoản.

c. Mức B: Bao gồm Kế toán viên, Kiểm soát viên và Chủ tài khoản

Mức này bao gồm hai mức trên. Đối với mức B, trên cơ sở xét duyệt của Người được uỷ quyền phía Khách hàng, người quản trị mạng sẽ thiết lập hạn mức duyệt đối với từng ngoại tệ và phân quyền Chủ tài khoản (giữ chữ ký điện tử) cho Kiểm soát viên. Nếu giao dịch do kế toán viên hành tự với số tiền trong hạn mức của mình, Kiểm soát viên sẽ được quyền duyệt giao dịch này và để người gửi lệnh gửi thẳng lệnh đến Ngân hàng. Nếu số tiền vượt quá hạn mức duyệt thiết lập cho Kiểm soát viên, Kiểm soát viên chỉ có thể xác nhận giao dịch này sau đó đẩy cho Chủ tài khoản có hạn mức cao hơn duyệt lệnh này. Như vậy Kiểm soát viên vừa có quyền xác nhận và duyệt lệnh nếu trong hạn mức của Kiểm soát viên.

- Kế toán viên: Được phép tạo, sửa và in ấn các giao dịch;
- Kiểm soát viên: Xác nhận lại các giao dịch mà kế toán viên đã hành tự. Trường hợp giao dịch nằm trong hạn mức xét duyệt của mình, Kiểm soát viên sẽ duyệt giao dịch. Kiểm soát viên có thể in các giao dịch;
- Chủ tài khoản: Duyệt các giao dịch mà Kiểm soát viên đã xác nhận. Có thể in các giao dịch. Mỗi Khách hàng tùy vào yêu cầu của mình có thể phân hạn mức duyệt đối với Chủ tài khoản.

5.3 Phân chia quyền hạn truy cập:

Chương trình hiện tại cho phép thực hiện quyền truy cập dịch vụ VCB-MONEY theo 2 mã sử dụng: Kế toán viên và Kiểm soát viên.

- Kế toán viên: Khi vào chương trình với mã của kế toán viên, Người sử dụng được phép lập mới, sửa đổi, in ấn, xoá bỏ các giao dịch chưa được kiểm soát duyệt. Một giao dịch chưa được duyệt có trạng thái là **“Pending”**.
- Kiểm soát viên: Khi vào chương trình bằng mã của kiểm soát thì Người sử dụng sẽ được phép ký duyệt, in ấn các giao dịch đã được lập. Người sử dụng sẽ sử dụng **mã duyệt giao dịch** để ký duyệt giao dịch của Khách hàng. Sau khi duyệt, trạng thái của giao dịch sẽ là **“Waiting to send”**- Giao dịch đang chờ để gửi cho Ngân hàng.

(Chú ý: Ở đây, mã Kiểm soát viên và Kế toán viên vào chương trình đều do Khách hàng sử dụng chương trình VCB-MONEY quản lý. Chỉ có **mã duyệt giao dịch** và **mã kết nối** vào hệ thống của Ngân hàng là Khách hàng phải tiến hành đăng ký với Ngân hàng).

Sau khi các giao dịch được tạo, người gửi điện của Khách hàng sử dụng **mã kết nối (connect)** để tiến hành **“Connect”** vào hệ thống của Ngân hàng để gửi các giao dịch này lên Ngân hàng. Các giao dịch này được gửi tới Ngân hàng dưới dạng một bức điện theo mẫu chuẩn của Ngân hàng. Sau khi gửi, giao dịch có trạng thái là **“Waiting for Response”**. Khi giao dịch này được Ngân hàng chấp nhận trạng thái sẽ chuyển thành **“Transaction Accepted”**. Nếu Ngân hàng từ chối, trạng thái của giao dịch sẽ là **“Not Accepted”** và đồng thời hiển thị lý do từ chối.

(Lưu ý: Khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của số liệu và nội dung bức điện gửi cho Ngân hàng).

SƠ ĐỒ VỀ QUYỀN CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁCH THỨC TRUY CẬP

Chức năng hỗ trợ của chương trình đối với Người sử dụng	Kế toán viên	Kiểm soát viên	Chủ tài khoản	Người gửi lệnh	Mức sử dụng chương trình
1. Vào chương trình	Bằng username và password do admin tạo	Bằng username và password do admin tạo	Bằng username và password do admin tạo	Bằng username và password do admin tạo	-
2. Kết nối với NHNT	-	-	-	Bằng username và password do NHNT cung cấp. KH có thể đổi password ngay khi NHNT bàn giao chương trình .	-
3. Chữ ký điện tử	-	-	Mỗi KH được NHNT cung cấp 2 chữ ký điện tử. Mỗi chữ ký điện tử bao gồm 8 ký tự. 1 trong 2 chữ ký điện tử được sử dụng là giao dịch đã được chấp nhận bởi NHNT. KH có thể đổi chữ ký điện tử qua mạng.		-
4. Lưu chuyển của 1 giao dịch	X →	X →	X →	X → VCB X VCB	Mức 3 Mức 2 Mức B
5. Chức năng hỗ trợ khác	-	Khi xác nhận lại lệnh KTT có thể chọn gỡ lại Số tiền, TK người hưởng hoặc thiết lập password riêng của mình .	Có thể chọn gỡ lại số tiền hoặc TK người hưởng khi duyệt lệnh	-	-

Phần II

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LỆNH GIAO DỊCH VCB-MONEY

1. CÁC DỊCH VỤ

Chương trình VCB-MONEY được xây dựng với mục đích cung cấp các dịch vụ truy vấn thông tin và dịch vụ gửi lệnh thanh toán. Cụ thể:

- Đối với dịch vụ truy vấn thông tin: Khách hàng có thể truy cập để xem và in các thông tin về biểu phí các dịch vụ thanh toán của Ngân hàng, xem thông tin về tỷ giá hối đoái, xem lãi suất tiền gửi, lãi suất tiền vay, số dư tài khoản, sao kê tài khoản
- Đối với dịch vụ gửi lệnh thanh toán: Khách hàng có thể soạn thảo & gửi các lệnh như: Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, lệnh chuyển tiền đi Ngân hàng nước ngoài, Thanh toán bảng lương, Mua bán ngoại tệ. . . tới Ngân hàng để ra lệnh thanh toán.

2. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN LỆNH GIAO DỊCH TRÊN CHƯƠNG TRÌNH VCB-MONEY

2.1. Cấu trúc số giao dịch:

+ Số giao dịch (Order No.): Để quản lý các giao dịch của Khách hàng, mỗi một lệnh giao dịch VCB-MONEY sau khi được tạo lập xong sẽ được hệ thống tự động tạo ra một số yêu cầu giao dịch gồm 12 ký tự .

Cấu trúc của số giao dịch như sau:

AAA	YYMMDD	CCC
Mã nghiệp vụ	Năm, tháng, ngày	Số thứ tự giao dịch trong ngày

Mã nghiệp vụ bao gồm các ký hiệu sau:

POR: Ủy nhiệm chi
 REM: Lệnh chuyển tiền
 BFC: Giao dịch mua ngoại tệ
 SFC: Giao dịch bán ngoại tệ
 INC: Giao dịch trả lương
 DIR: Ủy nhiệm thu

Chú ý: + Khách hàng có thể thay đổi số giao dịch này sao cho phù hợp với số tham chiếu của Khách hàng.

+ Số này sẽ hiển thị trên danh sách các giao dịch trong menu Payment.

+ Số điện: Số điện (Message No.) là số tham chiếu giữa Ngân hàng và Khách hàng. Số này cũng do hệ thống tự sinh ra sau khi Khách hàng duyệt và gửi giao dịch lên Ngân hàng.

Cấu trúc số điện gồm 11 số:

AAA	BBB	YY	CCC
Mã hiệu Khách hàng	Ngày trong năm	Năm	Số điện trong ngày

Mối quan hệ giữa số giao dịch và số điện:

- Một số giao dịch có thể một hoặc nhiều số điện tùy thuộc vào việc hành tự của Khách hàng đúng hay sai.
- Nếu việc hành tự của Khách hàng là đúng (soạn điện đúng, chữ ký điện tử đúng) được ngân hàng chấp nhận thanh toán thì một giao dịch chỉ có một số điện
- Nếu việc hành tự của Khách hàng là sai (có thể chữ ký sai, hoặc soạn điện bị sai) không được ngân hàng chấp nhận thanh toán thì điện sẽ bị trả về. Khách hàng tiến hành duyệt lại (nếu chữ ký sai) hoặc sửa lại điện (nếu do soạn điện sai) thì khi gửi giao dịch này lên ngân hàng hệ thống sẽ tự sinh ra số điện mới. Số điện cũ sẽ bị đẩy vào Menu “All Message Rejected”. Số giao dịch vẫn giữ nguyên.

Ví dụ: Ngày 23/04/2001 Khách hàng thực hiện 2 giao dịch:

Số giao dịch	Số điện
POR010423001	A0111301.001
POR010423002	A0111301.002

+ Giao dịch số POR010423001 được ngân hàng chấp nhận. Như vậy nó chỉ tồn tại duy nhất một số điện (Message Number) là A0111301.001. Trạng thái của điện là “Accepted”;

+ Giao dịch số POR010423001 không được ngân hàng chấp nhận do chữ ký sai. Khi đó máy có thông báo “Message No – A0111301.002 – not accepted because transaction not valid...”. Khách hàng sau khi nhận được trả lời như trên từ phía ngân hàng, sẽ tiến hành vào duyệt lại giao dịch. Sau khi duyệt lại và lại gửi lệnh lên ngân hàng hệ thống sẽ sinh ra một số điện mới.

SỐ GIAO DỊCH	SỐ ĐIỆN
POR010423002	A0111301.002(đã bị từ chối do chữ ký sai)
POR010423002(K ^o đổi)	A0111301.003(Số mới sinh chờ ngân hàng trả lời)

+ Tiến hành lấy các thông tin phản hồi từ phía ngân hàng về cho số điện A0111301.003. Điện này lại bị ngân hàng từ chối do không có tài khoản người hưởng. Khách hàng sửa đổi lại tài khoản người hưởng, duyệt lại và lại gửi lên

VCB. Lúc đó hệ thống lại phát sinh số điện mới A0111301.004 nhưng số giao dịch vẫn không đổi POR010423001.

SỐ GIAO DỊCH	SỐ ĐIỆN
POR010423002	A0111301.002(đã bị từ chối do chữ ký sai)
POR010423002(K° đổi)	A0111301.003(bị từ chối không đúng số TK)
POR010423002(K° đổi)	A0111301.004(Số điện mới sinh chờ trả lời)

Như vậy với mỗi giao dịch Khách hàng có thể kiểm soát việc xem nó được gửi đi gửi lại bao nhiêu lần đến khi ngân hàng chấp nhận thanh toán.

2.2. Thực hiện giao dịch:

2.2.1 Nhóm giao dịch thanh toán (Menu Payment)

a. Thanh toán Ủy nhiệm chi (Payment Order)

- Cách thức sử dụng chương trình:
 - Vào chương trình với quyền và mật khẩu sử dụng chương trình. Chọn Tiếng Việt nếu muốn chạy chương trình với các menu là Tiếng Việt.
 - Trước khi thực hiện lệnh thanh toán Ủy nhiệm chi, Người sử dụng phải khai báo ngày thực hiện giao dịch. Hệ thống ngầm định ngày giao dịch là ngày hiện tại. Cách chọn ngày giao dịch: Vào Menu Payment/Set Transaction Date rồi chọn ngày giao dịch.
 - Chọn menu Payment/Payment Order(Thanh toán/Thanh toán Ủy nhiệm chi)
 - Truy cập chương trình với quyền của Kế toán viên để tạo giao dịch: Trên màn hình sẽ hiện lên các phím chức năng **New, Modify, Copy, Delete, Find, Send** để thực hiện lệnh giao dịch:
 - + **New**: Để tạo một lệnh thanh toán mới. Khi nhấn vào nút New trên thanh công cụ (hoặc phím nóng Ctrl+Enter), màn hình sẽ hiển thị các trường nhập thông tin của một lệnh Ủy nhiệm chi. Sau khi nhập đầy đủ các thông tin, bấm nút “Accept” để chấp nhận giao dịch. Giao dịch sau khi Accept sẽ có trạng thái “Pending” chờ Kiểm soát viên/Chủ tài khoản duyệt.
 - + **Modify**: Để sửa đổi thông tin của một lệnh thanh toán Ủy nhiệm chi có trạng thái “Not Accepted” hoặc “Back”. Một giao dịch khi kế toán viên mới làm xong thì không thể sửa đổi được. Muốn sửa đổi, giao dịch đó phải được trả lại bởi Kiểm soát viên hoặc chủ tài khoản. Chức năng này cũng sử dụng để sửa đổi một lệnh giao dịch bị Ngân hàng trả về vì lý do hành tự sai.
 - + **Delete**: Xóa một giao dịch chưa duyệt
 - + **Copy**: Chức năng để sao chép thông tin của một giao dịch sẵn có.
 - + **Find**: Tìm kiếm giao dịch theo các tiêu thức (loại tiền, số tiền, số giao dịch)....

+ **Send:** Kế toán viên có thể gửi lệnh giao dịch đã được duyệt trực tiếp tới nếu được phân quyền gửi lệnh.

+ Các trạng thái giao dịch tại màn hình của Kế toán viên:

- **Pending:** Giao dịch đang chờ Kiểm soát viên/Chủ tài khoản duyệt
- **Back:** Giao dịch bị Kiểm soát viên/Chủ tài khoản trả lại
- **Not- Accepted 2:** Giao dịch bị Ngân hàng trả lại do hành tụt sai
- **Waiting for Response:** Giao dịch đã gửi tới Ngân hàng và chờ phản hồi từ Ngân hàng

– Truy cập vào chương trình với quyền của Kiểm soát viên để xác nhận giao dịch: Trên màn hình sẽ hiển thị các phím chức năng **Verify, Back, Find, Send**. Kiểm soát viên trở vào lệnh giao dịch muốn xác nhận và thực hiện:

+ **Verify:** Xác nhận một giao dịch. Kiểm soát viên có thể gõ mật khẩu xác nhận giao dịch nếu được cài mật khẩu xác nhận giao dịch. Nếu Kiểm soát viên không có mật khẩu xác nhận, màn hình sẽ hiển thị “Có xác nhận giao dịch không?” và nhấn vào nút OK. Giao dịch sau đó có trạng thái “Waiting to approve” chờ Chủ tài khoản duyệt.

+ **Back:** Trả lại giao dịch cho kế toán viên nếu phát hiện giao dịch bị sai

+ **Find:** Tìm kiếm giao dịch theo các tiêu thức (loại tiền, số tiền, số giao dịch)....

+ **Send:** Kiểm soát viên có thể gửi lệnh giao dịch đã được duyệt trực tiếp tới nếu được phân quyền gửi lệnh.

Chú ý: Nếu mức sử dụng chương trình là 2, sẽ không có bước xác nhận giao dịch của Kiểm soát viên.

+ Các trạng thái giao dịch tại màn hình của Kiểm soát viên:

- **Waiting to approve:** Giao dịch được Kiểm soát viên xác nhận và chờ Chủ tài khoản duyệt
- **Waiting for Response:** Giao dịch đã gửi tới Ngân hàng và chờ phản hồi từ Ngân hàng

– Truy cập vào chương trình với quyền của Chủ tài khoản để duyệt giao dịch: Trên màn hình sẽ hiển thị các phím chức năng **Approve, MulApp, Back, Find, Send** để thực hiện duyệt giao dịch:

+ **Approve:** Duyệt giao dịch

+ **Back:** Trả lại giao dịch cho kế toán viên nếu phát hiện giao dịch bị sai

+ **MulApp:** Duyệt nhiều giao dịch cùng một lúc

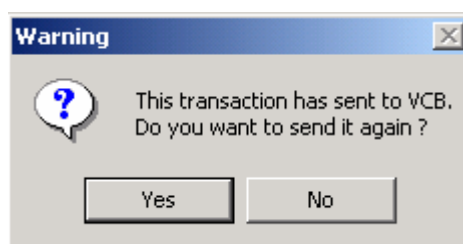
+ **Find:** Tìm kiếm giao dịch theo các tiêu thức (loại tiền, số tiền, số giao dịch)....

+ **Send:** Gửi giao dịch đã được duyệt tới Ngân hàng.

+ Các trạng thái giao dịch tại màn hình của Chủ tài khoản:

- *Waiting for Response*: Giao dịch đã gửi tới Ngân hàng và chờ phản hồi từ Ngân hàng
- *Not-Accepted 1*: Giao dịch bị Ngân hàng trả lại chờ Chủ tài khoản duyệt lại
 - Gửi giao dịch lên Ngân hàng: Vào chương trình với mã người gửi lệnh.
 - + Chọn chế độ kết nối với Ngân hàng là Stand Alone (Remote connect to VCB)
 - + Chọn System/Connect, nhập mã và mật khẩu kết nối, bấm OK
 - + Chọn loại giao dịch cần gửi trong Menu Payment
 - + Chọn menu Send Message to VCB. Có thể gửi từng giao dịch hoặc chọn nút “Check All” để gửi toàn bộ các giao dịch. Các giao dịch sẽ lần lượt được gửi tới Ngân hàng.
 - + Trạng thái giao dịch sau khi gửi:
 - *Waiting for Response*: Giao dịch đang chờ phản hồi từ Ngân hàng

Chú ý: Mỗi lệnh giao dịch VCB-MONEY, Khách hàng chỉ gửi tới Ngân hàng một lần. Khách hàng chỉ tiến hành gửi lại giao dịch khi biết chắc rằng Ngân hàng chưa nhận được giao dịch đó. Lệnh của Khách hàng khi tới Ngân hàng sẽ có trạng thái Not Receive nếu Ngân hàng không nhận được. Khách hàng có thể gửi lại giao dịch tới Ngân hàng mà không cần phải vào lại thông tin hay duyệt lại. Đối với các giao dịch đã được Khách hàng gửi tới Ngân hàng nhưng Ngân hàng chưa nhận được, trước khi gửi giao dịch, máy sẽ thông báo:



Nếu Người sử dụng bấm nút “Yes” thì điện của Người sử dụng sẽ được gửi lại cho Ngân hàng. Người sử dụng có thể gửi nhiều giao dịch cùng lúc khi vào Menu Payment/Send Message to VCB.

Chú ý: Một điện có trạng thái là “Not Receive” thì nhất thiết phải gửi lại chính lệnh đó thì Ngân hàng mới có thể kiểm tra điện trùng.

b. Lệnh chuyển tiền (Application for Remittance)

(Các bước sử dụng tương tự giao dịch Thanh toán Ủy nhiệm chi)

c. Mua bán ngoại tệ (Buying Foreign Currency)

(Các bước sử dụng tương tự giao dịch Thanh toán Ủy nhiệm chi)

d. Dịch vụ chi trả lương (Menu Salary)

Menu này cho phép thanh toán chi trả lương cho nhân viên của công ty có tài khoản tại Ngân hàng.

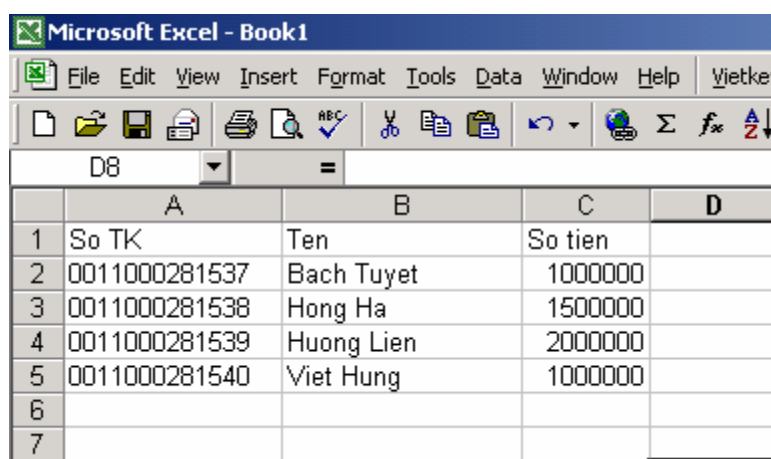
- Cách thức truy cập chương trình:

(Tương tự giao dịch Thanh toán Ủy nhiệm chi).

- Cách nhập dữ liệu:

Hệ thống cho phép trích nợ tài khoản của công ty và ghi có cho một danh sách tài khoản của các cán bộ, công nhân viên trong công ty. Để vào danh sách cán bộ công nhân viên, Người sử dụng tiến hành vào theo cột. Trỏ vào cột muốn vào số liệu, sau đó bấm F2, sử dụng mũi tên lên xuống để di chuyển con trỏ lên, xuống dòng kế tiếp. Sau khi nhập dữ liệu cho một cột, Người sử dụng bấm phím Enter.

Chú ý: Có thể sử dụng/chuyển đổi dữ liệu từ các tệp thông tin, dữ liệu sẵn có trên máy, ví dụ: thông tin lấy từ bảng tính lương Excel của Công ty: File .xls có cấu trúc như sau "Cột A: Số tài khoản", "Cột B: Tên nhân viên", "Cột C: Số tiền"



	A	B	C	D
1	So TK	Ten	So tien	
2	0011000281537	Bach Tuyet	1000000	
3	0011000281538	Hong Ha	1500000	
4	0011000281539	Huong Lien	2000000	
5	0011000281540	Viet Hung	1000000	
6				
7				

gắn vào lệnh chi trả lương VCB-MONEY bằng cách bấm nút “Convert” và trở đến tệp dữ liệu liên quan chứa thông tin đã nhập từ trước.

– Các trạng thái phản hồi từ Ngân hàng về Khách hàng đối với lệnh chi trả lương của Khách hàng:

+ “*Transaction Accepted*”: Thông tin Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng về tài khoản thanh toán lương là đúng và lệnh giao dịch VCB-MONEY được Ngân hàng chấp nhận.

+ “*Not Accepted*”: Thông tin Khách hàng cung cấp cho Ngân hàng về tài khoản thanh toán lương sai và lệnh giao dịch VCB-MONEY được Ngân hàng trả lại.

+ “*Some Wrong*”: Nếu một hoặc một số tài khoản trong danh sách các tài khoản được thanh toán lương sai thì các tài khoản đúng vẫn được hạch toán bình thường. Ngân hàng sẽ chỉ trả lại lệnh ghi có sai tài khoản không hạch toán được.

Với những điện bị trả về ở trạng thái này, Khách hàng chỉ việc trở vào điện đó và bấm vào nút “Make” trên thanh công cụ, chương trình sẽ tự sinh ra một điện với các tài khoản nhân viên bị sai giúp kế toán viên vào chỉnh sửa để tiếp tục gửi điện tới Ngân hàng. Điện sau đó sẽ chuyển trạng thái “Done”.

Lưu ý: Hệ thống cung cấp danh sách các lệnh thanh toán lương và những lệnh liên quan đến nó (**Menu Salary Table**).

e. Thanh toán Ủy nhiệm thu

(Các bước sử dụng tương tự giao dịch Thanh toán Ủy nhiệm chi)

f. Tạo điện tự do (Menu Free Format Message)

Menu này cho phép Khách hàng gửi một điện tự do tới ngân hàng. Điện tự do này Khách hàng có thể sử dụng để yêu cầu sửa đổi, huỷ thông tin hoặc tra soát về một lệnh giao dịch VCB-MONEY đã gửi tới Ngân hàng. Người sử dụng có thể gửi kèm thông tin về bức điện đã làm trước đó bằng cách bấm nút “With Origin. Mess” -> gửi cùng điện gốc.

Chú ý: Các yêu cầu sửa đổi về thông tin một lệnh giao dịch VCB-MONEY đã gửi tới Ngân hàng chỉ được sửa đổi khi Ngân hàng chưa thực hiện lệnh đó.

2.2.2 Nhóm tra cứu thông tin (Menu Infor)

– Tra cứu thông tin tỷ giá (Menu Exchange Rate (Ctrl+E))

Chức năng này dùng để xem thông tin về tỷ giá hối đoái hiện tại của các ngoại tệ Ngân hàng giao dịch. Với chế độ kết nối trực tiếp với Ngân hàng, người sử dụng có thể lấy thông tin về tỷ giá hối đoái tại thời điểm tra cứu. Các phím chức năng:

- Print: In bảng tỷ giá.
- Export: Chuyển đổi dữ liệu ra một số các dạng/file khác.
- Find: Nhập mã ngoại tệ để tìm kiếm tỷ giá.

– Menu Sibor_Libor (Ctrl+ L)

Khách hàng có thể xem lãi suất Sibor, Libor 3 tháng, 6 tháng của tiền USD. Tỷ giá liên ngân hàng của ngày hiện tại hoặc một ngày nào đó trong quá khứ.

– Menu Charge in Vietcombank (Ctrl +R)

Khách hàng có thể xem biểu phí các dịch vụ tại các chi nhánh của Ngân hàng giữ tài khoản của Khách hàng.

– Menu Deposit Interest (Ctrl+D)

Chức năng này dùng để xem các mức lãi suất áp dụng cho tài khoản tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền gửi có kỳ hạn, tài khoản tiền vay của các tổ chức, cá nhân, .. tại các chi nhánh trong hệ thống Ngân hàng.

Các phím chức năng:

- Print: In bảng tỷ giá.
- Export: Chuyển đổi dữ liệu ra các dạng/file khác.
- Find: Nhập mã ngoại tệ để tìm kiếm lãi suất.

– **Menu Balance Inquiry (Ctrl+B)**

Chức năng này dùng để xem số dư tài khoản hiện tại của Khách hàng. Tại trường "Select Account" sẽ hiển thị toàn bộ các tài khoản của Khách hàng đó mở tại Ngân hàng. Người sử dụng có thể chọn tài khoản để xem số dư.

Các phím chức năng: Trên màn hình này không có các phím như ở các màn hình trên nhưng vẫn có thể thực hiện được các chức năng như Preview, Print hoặc Export bằng cách nhấn vào các nút này trên thanh công cụ hoặc nhấn vào Menu System của chương trình.

– **Menu Statement (Include Current Day) (Ctrl+ T)**

Chức năng này dùng để xem sao kê các tài khoản đến ngày hiện tại. Người sử dụng chọn số tài khoản cần xem tại trường "Select account", khai báo khoảng thời gian cần xem bằng cách nhập giá trị ngày vào ô "From" và "To" sau đó nhấn phím Enter. Chương trình sẽ hiện ra sao kê của ngày đã được xác định.

Nếu muốn xem sao kê từ một ngày nào đó trong quá khứ, thay đổi ngày tra cứu trên Menu **Change Last Update** trước, sau đó vào tiếp menu này.

Có thể in toàn bộ các giao dịch hiển thị trên màn hình (vào menu System/Print) hoặc in một hoặc một số các giao dịch lựa chọn bằng cách bấm vào nút "Print Selected Item" bên phải trên màn hình.

– **Menu Account Statement**

Chức năng này dùng để lấy sổ phụ tại ngân hàng. Khách hàng có thể lấy sổ phụ của các tài khoản của Khách hàng mở ở bất kỳ chi nhánh nào của Ngân hàng theo từng ngày hoặc theo giai đoạn.

Tại màn hình này sẽ liệt kê các chi nhánh của Ngân hàng mà Khách hàng có giao dịch tài khoản. Người sử dụng đánh dấu vào mã chi nhánh cần in sổ phụ của tài khoản mở tại đó hoặc đánh dấu vào ô "All" để in toàn bộ.

Sổ phụ có thể in theo ngày hoặc theo khoảng thời gian căn cứ theo giá trị ngày khai báo tại trường "From" và "To". Để in người sử dụng vào chức năng System/ Print.

– **Menu Sub Account Balance**

Chức năng này dùng để xem số dư của các tài khoản phụ (chỉ có tác dụng đối với Khách hàng có tài khoản phụ tại Ngân hàng). Việc xem, in ấn cũng giống như đối với các chức năng tra cứu trên. Khi in, chương trình sẽ chỉ in thông tin của tài khoản đang

hiển thị. Đồng thời chương trình cũng trợ giúp chức năng in tất cả các số dư tài khoản phụ (nếu vào menu Print All Sub Balance).

– **Menu Sub Account Statement**

Chức năng này dùng để xem sao kê các tài khoản phụ. Thực hiện việc xem, in ấn cũng giống như đối với chức năng **Sub Account Balance**.

– **Menu Print All**

Cho phép người sử dụng in một, nhiều hoặc toàn bộ các tài khoản.

– **Menu Managing All Organization's Branches**

Khách hàng sử dụng menu này để quản lý số dư tài khoản của các đơn vị thành viên. Khách hàng có thể in số dư của một hoặc một số đơn vị thành viên theo ngày bất kỳ.

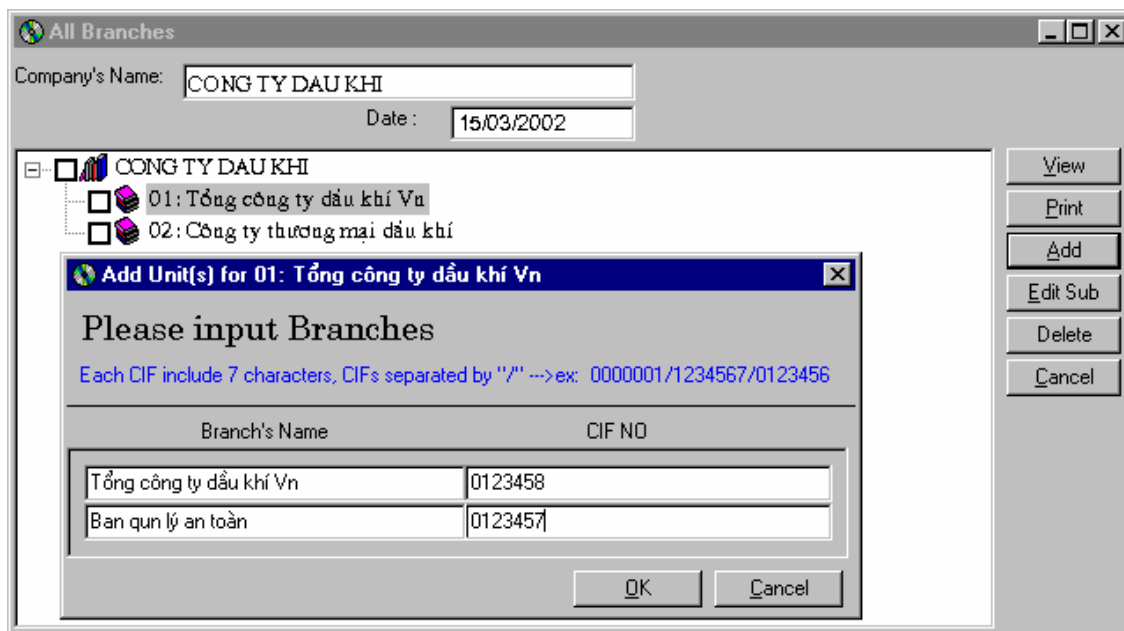
Ví dụ: Có một công ty với các công ty con như sau:

MÃ ĐƠN VỊ	TÊN ĐƠN VỊ	SỐ CIF
01	Tổng công ty dầu khí VN	
0101	Tổng công ty dầu khí Vn	0123458
0102	Ban quản lý an toàn	0123457
02	Công ty thương mại dầu khí	
0201	Công ty thương mại dầu khí	0123654
0202	Công ty thương mại dầu khí Hà nội	0123565/2136548
0203	Công ty thương mại dầu khí Vũng Tàu	01236587/03258745/2365258

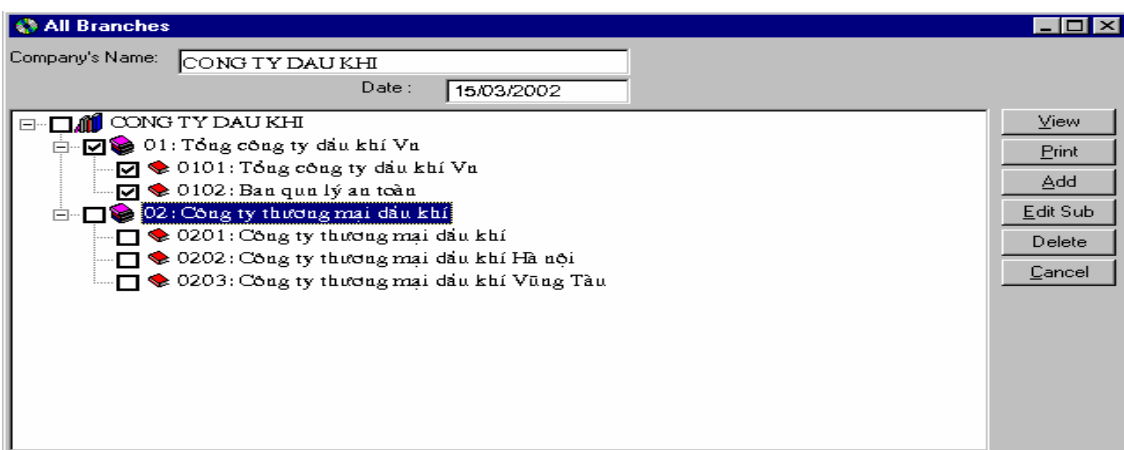
Cách thức khai báo quan hệ giữa công ty mẹ và các công ty con trên chương trình VCB-MONEY

- (1) Người sử dụng truy cập vào Menu Infor/Managing all Organization's branches
- (2) Khai báo các thông tin cho công ty mẹ 01,02
- (3) Nhập thông tin về các đơn vị thành viên trong từng công ty mẹ. Chọn công ty mẹ muốn nhập dữ liệu về các công ty con. VD: Nhập dữ liệu cho "Tổng công ty dầu khí Vn" với 2 đơn vị thành viên như trên.

Tương tự nhập dữ liệu về các đơn vị thành viên của đơn vị chủ quản thứ hai "Công ty thương mại dầu khí".



Khi in báo cáo Người sử dụng có thể chọn một hoặc một số đơn vị thành viên



Báo cáo có dạng :

SỐ TÀI KHOẢN	TIỀN VND	TIỀN USD	NGOÀI TỆ KHÁC
01: TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VN			
0101: Tổng công ty dầu khí Vn			
0010000230845	966,977,526,847.00	0.00	0.00
0010370013914	0.00	584,714.24	0.00
0010370230855	0.00	43,497,446.87	0.00
0010490238364	0.00	0.00	2,000,000.00
0011000016506	200,000,000,000.00	0.00	0.00
0011370082826	0.00	500,000.00	0.00

3. CÁC CHỨC NĂNG HỖ TRỢ

Các dữ liệu có sẵn

Trong Menu Payment Order, khi gõ dữ liệu về người hưởng, Người sử dụng đặt con trỏ tại các nơi cần nhập dữ liệu sau đó bấm phím F2. Toàn bộ những người hưởng mà Người sử dụng đã nhập sẽ hiện lên. Nếu Người sử dụng chỉ nhớ 1 hoặc một số ký tự về người hưởng thì Người sử dụng cứ việc gõ vào, những người hưởng có thông tin giống như vậy sẽ hiện lên. Ví dụ: Số tài khoản Người sử dụng chỉ nhớ là có số 123. Người sử dụng gõ 123 vào tài khoản ghi có, sau đó bấm phím F2, toàn bộ các tài khoản có chứa 3 ký tự 123 sẽ hiện lên cho các Người sử dụng chọn.

Chức năng copy

Người sử dụng có thể copy các điện đã tạo để thiết lập các điện có thông tin tương tự.

In giao dịch

Người sử dụng có thể in một giao dịch bất kỳ bằng cách chọn giao dịch đó sau đó chọn System/Print. Muốn xem trước khi in, chọn System/Print Preview.

Duyệt giao dịch

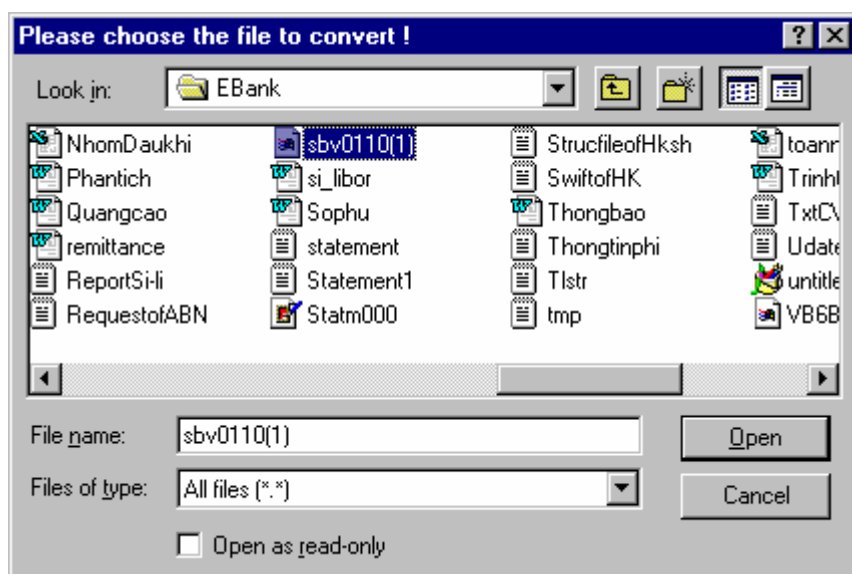
Có thể duyệt từng giao dịch (bấm nút **Approve**) hoặc duyệt nhiều giao dịch cùng lúc bằng các đánh dấu vào các giao dịch đang chờ duyệt sau đó bấm nút “**MulApp**”.

Thay đổi quyền truy cập chương trình

Để xác định, thay đổi quyền thực hiện hoặc duyệt giao dịch, vào Menu System/Users management với quyền của người Quản trị chương trình (Admin).

Menu Convert

Menu này cho phép Khách hàng nhập thông tin từ các điện MT100, MT202 từ hệ thống của Khách hàng vào hệ thống VCB-MONEY.



File Khách hàng dùng để Convert vào hệ thống có định dạng như sau:

```
:20: TT VNM074HUONG1
:32A:011001USD2
:50: TRIUMPH INTL VN LTD
:53A:MRMDUS33
:59: /001-006279-195
    MR ENRICO C.ESTORNINOS
    HSBC MAIN BRANCH MANILA PHILIPPINES
:70: PYMT FR MONTHLY SALARY
:71A:OUR
:72: /ACC/PYMT MUST BE PAID IN USD
:20: TT VNM07HUONG2
:21: TT VNM071242MNL
:32A:011001USD2,00
:53B:/000-05127-6
:58D:/000-03945-4
    HK AND SHANGHAI BANKING CORP LTD
    MANILA
:20: TT VNM0HUONG3
:32A:011001VND10,
:50: UNNAMED
:53B:/01.0001849
.:59: /001-006279-195
    MR ENRICO C.ESTORNINOS
    HSBC MAIN BRANCH MANILA PHILIPPINES
:70: PYMT FR MONTHLY SALARY
:71A:OUR
:72: /ACC/PYMT MUST BE PAID IN USD
....
```

Lưu ý: Khoá để nhận biết các giao dịch là trường 20 của mỗi điện MT. Sau khi tiến hành Convert các giao dịch sẽ là các dữ liệu tạm của hệ thống VCB-MONEY. Hệ thống sẽ nhận diện các điện gửi đến Ngân hàng bằng cách xác định xem số tài khoản trích nợ (trường 53B) của điện MT có phải là tài khoản của Ngân hàng không. Trường tài khoản trích Nợ sẽ có màu trắng sáng nếu tài khoản đúng và có màu tím đỏ nếu tài khoản sai. Khách hàng có thể dựa vào giao dịch này để tạo một giao dịch có nội dung tương tự gửi cho Ngân hàng.

Chú ý: Mỗi điện MT trong file .txt sau khi được chuyển sẽ tồn tại duy nhất trong hệ thống VCB-MONEY.

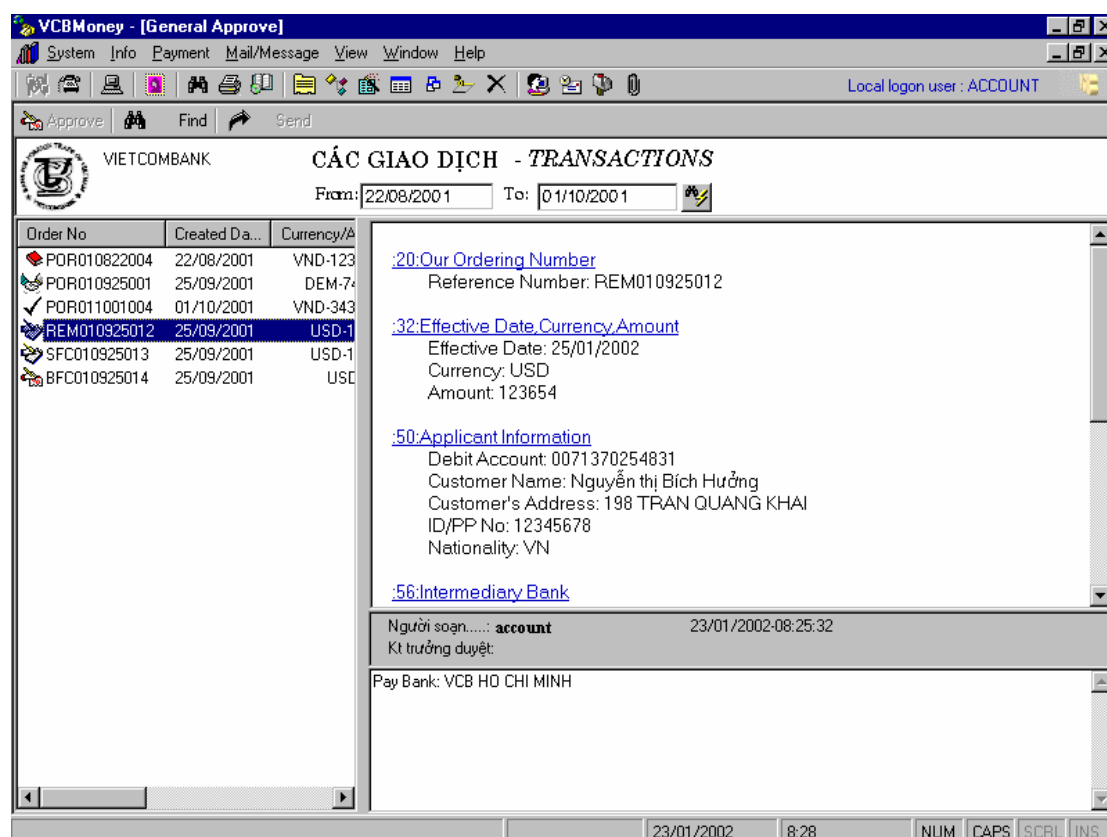
Menu Convert Data

Chức năng này hiển thị toàn bộ các giao dịch mà Người sử dụng đã tiến hành chuyển đổi. Sau khi kiểm tra thông tin giao dịch, người sử dụng sẽ lựa chọn các lệnh muốn

chuyển lên Ngân hàng qua hệ thống VCB-MONEY để tiến hành “Accept” chấp nhận giao dịch vào hệ thống, duyệt và tiến hành gửi lệnh cho Ngân hàng.

Menu General Approve

Toàn bộ các giao dịch thuộc các nghiệp vụ khác nhau như Ủy nhiệm chi, chuyển tiền, mua bán ngoại tệ sẽ được hiển thị tại đây giúp người duyệt có thể duyệt được dễ dàng mà không phải vào chi tiết từng màn hình nghiệp vụ. Tại màn hình này, ngoài việc hiển thị nội dung điện, hệ thống còn cung cấp cho người sử dụng thông tin về người tạo, người duyệt ngày giờ soạn điện, ngày giờ duyệt điện. Đối với các điện bị từ chối vì chữ ký điện tử sai sẽ không trả về tên người duyệt.



Trên màn hình NSD nhìn thấy các loại nghiệp vụ khác nhau như: PORXXXXXXXXX: Ủy nhiệm chi, REMXXXXXXXXXX: Chuyển tiền, SFCXXXXXXXXXX: Bán ngoại tệ, BFCXXXXXXXXXX: Mua ngoại tệ.

Menu Send Message to VCB

Menu này cho phép gửi đồng thời tất cả các điện đã duyệt cho Ngân hàng.

Menu Get Respond from the Bank

Chức năng này dùng để nhận trả lời của ngân hàng đối với toàn bộ các giao dịch đã gửi. Tuy nhiên, có thể lấy trả lời của từng giao dịch bằng cách nháy đúp chuột vào chính các giao dịch đó ở các màn hình nghiệp vụ hoặc màn hình General Approve.

Cách lấy trả lời (Response) từ ngân hàng cho một giao dịch

Nháy đúp chuột vào giao dịch đã gửi lên ngân hàng đang chờ trả lời

Cách lấy Respond từ ngân hàng cho tất cả các giao dịch đã gửi

Vào menu Payment/Get Respond from the bank

Cách lấy Respond thêm một lần nữa của một điện bất kỳ

Nếu muốn lấy lại Respond của 1 điện bất kỳ bạn connect với VCB và tiến hành nháy đúp chuột vào lệnh đó.

All Message Rejected

Chức năng này hiển thị toàn bộ các điện đã bị ngân hàng từ chối và Khách hàng đã tiến hành sửa đổi lại (nếu hành tự sai) hoặc đã tiến hành duyệt lại (nếu chữ ký sai)

Menu Dustbin

Hệ thống chỉ cho phép xoá được các lệnh ở trạng thái “Pending – Chờ duyệt”.

Đối với các điện ở trạng thái khác như "Waiting to approve", "Waiting for response", "Transaction accepted"..., nếu muốn chúng không còn tồn tại trong danh sách các lệnh, Người sử dụng cho vào Dustbin, bằng cách: Vào Menu Payment/ General Approve, trở vào lệnh muốn xoá bấm Dustbin. Khi Người sử dụng cần tra cứu lại các lệnh này sẽ vào Menu Dustbin.

Print Current Message

In toàn bộ hoặc có lựa chọn các giao dịch hiện tại bao gồm các giao dịch đã tạo nhưng chưa duyệt, các giao dịch đã duyệt, các giao dịch đã gửi, các giao dịch bị từ chối nhưng chưa duyệt lại (nếu chữ ký sai) hoặc chưa sửa lại (nếu hành tự sai).

Print History Message

In toàn bộ hoặc có lựa chọn các giao dịch bị từ chối đã tiến hành duyệt lại hoặc đã sửa lại.

Print Summary

In các thông tin tóm lược về các giao dịch như số giao dịch, Số điện tương ứng, Số tiền, ngoại tệ, trạng thái, người tạo lập, ngày giờ tạo lập, người duyệt.....

Bảng in đối chiếu

Số GD	Số điện	N.Tệ	Số tiền	Ngày tạo	Người lập	Ng
Accepted - Ngân hàng chấp nhận						
POR010925001	A0126801.001	DEM	7,417.97	25/09/2001	account	

Menu Recover Status of Mess

Trong trường Dữ liệu (Database) của Người sử dụng vì một lý do nào đó bị hỏng, khi đó Người sử dụng yêu cầu ngân hàng gửi lại cho Người sử dụng các điện đã gửi tới Ngân hàng qua email của chương trình. Người sử dụng tải những file này về và tiến hành khôi phục lại bằng bấm vào nút “Recover” trên thanh công cụ trên màn hình của menu này

4. Trả lời từ ngân hàng

Để bảo đảm quyền lợi của khách hàng mỗi số điện gửi tới ngân hàng chỉ cho phép lấy trả lời (response) một lần (tham khảo thêm phần **Get recent (history) respond from the Bank**). Các trường hợp trả lời của Ngân hàng:

a. Ngân hàng chấp nhận

Các điện được ngân hàng chấp nhận sẽ có trạng thái là “Accepted”. Biểu tượng trên màn hình là hình hai bàn tay bắt nhau.

Điện khi in ra sẽ có dạng dưới đây (Status: Accepted -> Điện được chấp nhận)

ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER

Ngày (Date) 25/09/2001
Trạng thái (Status) Accepted

PayOrder No: POR010925001
Message No: A0126801.001

b. Ngân hàng không chấp nhận: Có 2 lý do

– Do chữ ký điện tử sai

Sau khi các điện được gửi tới ngân hàng, máy chủ của ngân hàng sẽ tự động kiểm tra chữ ký điện tử của khách hàng. Nếu chữ ký điện tử sai, giao dịch sẽ tự động bị đẩy trả

khách hàng với thông báo “The Message Number –A01010423.002 – not accepted because transaction file is invalid, You do not have enough security credential”. Trường hợp này trên màn hình chính (Payment order) sẽ không hiển thị tên người duyệt. Trạng thái của điện là “Not Accepted”. Biểu tượng của điện trong danh sách là có hình một mũi tên màu đen ➔. Người sử dụng phải vào chương trình với quyền chủ tài khoản để duyệt lại lệnh và gửi tới ngân hàng.

Order No			Messa...	Accepted by Ban
POR010...	1	U	NUL10...	Waiting to send
POR010...	2	V	11301...	Waiting to send
POR010...	0	U	A0112...	Waiting for Respo
POR010...	2	U	A0117...	Not Accepted
POR010...	2	V	A0123...	Waiting for Respo
POR010...	2	D	A0126...	Accepted

Điện khi in ra sẽ có dạng dưới đây (Status: N.Accepted_1 -> Chữ ký sai)

ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER

Ngày (Date) 28/06/2001

PayOrder No: POR010628001

Trạng thái(Status) N.Accepted_1

Message No: A0117901.001

– Do kế toán viên hành tự sai

Lỗi này do kế toán viên hành tự sai. Có thể gõ vào số tài khoản người hưởng không đúng, hoặc địa chỉ người hưởng không có..... Ví dụ: Trả lời của ngân hàng có thể là: “The Message Number –A01010423.003 – not accepted because Account Number not found”. Trên màn hình chính “Payment Order” bạn sẽ thấy trạng thái của điện sẽ là “Not Accepted”. Biểu tượng của điện trong trường hợp này là 1 dấu ✓ màu đen. Đồng thời trả về tên của đã duyệt điện này.

Order No	Date
POR010416001	16/04/2
POR010423001	23/04/2
POR010502001	02/05/2
POR010628001	28/06/2
POR010822004	22/08/2
POR010925001	25/09/2
POR011001004	01/10/2
POR020108001	08/01/2

Người soạn.....:	account
Creator(D,T):	01/10/2001-09:58:23
Kt trưởng duyệt:	Bill Clinton
Appover(D,T):	01/10/2001-10:03:17 AM

Điện khi in ra sẽ có dạng dưới đây (Status: N.Accepted_2 -> hành tự sai)

ỦY NHIỆM CHI - PAYMENT ORDER

Ngày (Date) 01/10/2001
Trạng thái(Status) N.Accepted_2

PayOrder No: POR011001004
Message No: A0127401.005

Trong trường hợp này các bạn phải vào chương trình với quyền của người kế toán viên để sửa (Modify) lại lệnh đó điện chuyển về trạng thái Pending, chờ các bộ phận tiếp theo (Kiểm soát viên và chủ tài khoản) xác nhận và duyệt.

Phần III

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC PHÂN HỆ CỦA HỆ THỐNG

1. PHÂN HỆ HỆ THỐNG (MENU SYSTEM):

Menu Connect

Menu này dùng để truy nhập vào máy chủ để lấy thông tin. Menu này chỉ có tác dụng với 3 chế độ đầu, còn chế độ OffLine thì không cần phải Connect (kết nối) với máy chủ. Muốn chạy chức năng này đầu tiên phải nhấn chuột vào menu Connect trong menu System hoặc ấn F2. Sau đó hộp thoại hiện ra và phải nhập tên, mật khẩu đã được đăng ký để truy nhập vào hệ thống.

Chương trình cung cấp hai chế độ kết nối giữa Khách hàng và Ngân hàng:

- Chế độ kết nối từ xa với Ngân hàng – Stand Alone (Remote connect to Vietcombank): ở chế độ này, Khách hàng phải chọn System/Connect trước để kết nối trực tiếp với Ngân hàng để xem dữ liệu trực tuyến, cũng như làm các lệnh để gửi tới Ngân hàng.
- Chế độ không kết nối với ngân hàng – OffLine (Use Local Database): ở chế độ này, Khách hàng xem các thông tin đã được lấy từ Ngân hàng hoặc chỉ tạo/duyệt lệnh thanh toán mới mà chưa gửi tới Ngân hàng.

Menu Disconnect

Chức năng này dùng để hủy bỏ việc kết nối với máy chủ. Khi chương trình đang kết nối vào hệ thống, nếu muốn hủy bỏ việc kết nối với hệ thống, NSD phải nhấn vào menu Disconnect trên menu System hoặc bấm vào nút Disconnect trên thanh công cụ (hoặc dùng phím nóng F3) chương trình sẽ tự động hủy bỏ kết nối với hệ thống.

Menu Change Last Update

Nhấn vào menu Change Last Update trên menu System, chương trình sẽ hiện ra hộp thoại cho phép người sử dụng nhập ngày cập nhật thông tin. Chức năng này dùng để xác định ngày lấy các sao kê (hỗ trợ menu Statement) cho chương trình. Nếu gõ vào một ngày nào đó và nhấn OK thì chương trình sẽ lấy dữ liệu từ ngày đó đến ngày hiện tại.

Lưu ý: Khi gõ ngày xong, nhấn Disconnect sau đó Connect lại để chức năng này có tác dụng.

Menu Change Password

Chức năng cho phép người sử dụng thay đổi mật khẩu (Password) dùng để truy nhập vào máy chủ. Khi chạy chức năng này thì chương trình sẽ hiện ra một hộp thoại cho phép người dùng nhập mật khẩu cũ vào ô **Old Password** và mật khẩu mới vào ô **New Password** và nhập vào ô **Confirm Password** để xác định mật khẩu mới, sau đó nhấn OK. Khi đó mật khẩu mới (**New Password**) đã có giá trị để sử dụng.

Menu Change Signature

Chức năng này cho phép người sử dụng thay đổi CKĐT của đơn vị mình do Ngân hàng cung cấp. Để thay đổi được CKĐT, người sử dụng phải vào chương trình với mã của người được phép duyệt điện và phải biết được CKĐT hiện đang dùng.

Menu Set Running Mode

Chức năng này cho phép thay đổi chế độ làm việc của chương trình. Như trên đã đề cập tới, có 4 chế độ làm việc chính của chương trình, người sử dụng có thể tùy chọn chế độ chạy chương trình bằng cách vào menu System, trong đó nhấn vào menu Set Running Mode và chọn các chế độ. Thông thường thì chọn Mode chạy là Remote để nối vào hệ thống bằng MODEM.

System Setting

Chức năng này cho phép xem hoặc thay đổi các thông số của hệ thống như: chế độ làm việc, các thông truy nhập vào mạng. Đồng thời chức năng này cũng cho phép tạo một Connection mới để kết nối vào máy chủ (nếu chưa có) hoặc sửa đổi những Connection đã có sẵn(tra cứu thêm phần II).

Menu Page Setup

Chức năng này cho phép người sử dụng đặt các thông số về cỡ giấy, loại máy in trước khi in.

Menu Print Preview

Chức năng này cho phép người sử dụng có thể xem trước khi in ra.

Menu Print

Chức năng này cho phép người sử dụng in.

Menu Export

Chức năng này cho phép Khách hàng có thể export các thông tin đang hiển thị trên màn hình ra các file dạng Text, HTML...

Menu Export by format

Khách hàng có thể tiến hành export các thông tin về các giao dịch thực hiện trong ngày qua VCB, số phụ của các ngày trước và số dư tài khoản theo format đã định dưới dạng Text và Excel. Menu này phục vụ cho việc cung cấp thông tin đầu vào có định dạng cho hệ thống của Khách hàng.

Menu Logoff

Thoát khỏi mã người sử dụng hiện thời và truy cập vào hệ thống với mã người sử dụng khác.

Menu Close

Đóng một màn hình ứng dụng đang mở.

Menu Exit

Thoát khỏi chương trình VCB-MONEY.

2. PHÂN HỆ QUẢN LÝ (MENU MANAGE):

Menu Users Management

Chức năng này cho phép người sử dụng có thể quản lý và phân quyền sử dụng chương trình, xem các thông tin về User đang truy nhập vào hệ thống. Nếu người truy nhập là quản trị hệ thống thì có thể xem thông tin của một người nào đó được đăng ký sử dụng chương trình hay thay đổi, thêm hoặc xóa bỏ một người dùng. Muốn tạo mới quyền cho một người sử dụng, ta nhấn vào nút New, hộp thoại sau sẽ hiện ra. Sau đó nhập những thông tin cần thiết vào như: User Name, Password, ... và nhấn vào nút Add, một người sử dụng mới sẽ được thêm vào hệ thống. Tương tự như vậy đối với sửa đổi thông tin thì nhấn vào nút Edit hoặc xóa bỏ người dùng thì nhấn vào nút Delete. Trong trường hợp đơn vị cài đặt chương trình VCB-MONEY có tham gia thanh toán điện tử. Việc thiết lập quyền sử dụng dụng chương trình thanh toán bao gồm 2 mức: Kế toán viên và Kiểm soát viên.

- Người sử dụng được thiết lập quyền kế toán viên (check vào phần “Accountant”) thì chỉ có quyền tạo và sửa điện.
- Người sử dụng được thiết lập quyền Kiểm soát viên (Check vào phần “Is Chief Accountant”). Người được thiết lập quyền này thì chỉ có thể xác nhận điện, không thể lập, sửa, duyệt được điện, nhưng có thể trả lại điện cho kế toán viên bằng cách bấm vào nút “**Back**” trong các menu tác nghiệp.
- Người sử dụng được thiết lập quyền chủ tài khoản (Check vào phần “Accountant Holder”). Người được thiết lập quyền này thì chỉ có thể duyệt được điện, không xác nhận điện, không thể lập, sửa điện, nhưng có thể trả lại điện cho kế toán viên bằng cách bấm vào nút “**Back**” trong các menu tác nghiệp.

Phân mở kỳ giao dịch mới

- Phần này dùng để lưu trữ dữ liệu theo thời kỳ, điều đó có nghĩa là dữ liệu ở cơ sở dữ liệu của Người sử dụng chỉ có kể từ ngày lưu trữ (Backup) gần đây nhất. Phần này chỉ được làm bởi người có quyền admin. Tuy nhiên Người sử dụng vẫn có thể xem được dữ liệu của kỳ lưu trữ trước đó
- Cách thức tiến hành: Người sử dụng muốn backup dữ liệu năm 2002
 - + Menu Manage/New Business Term
 - ⇒ Chọn ngày mở kỳ giao dịch mới: 01/01/2003(vậy dữ liệu tại CSDL hiện tại sau khi backup chỉ còn dữ liệu từ ngày 01/01/2003)
 - ⇒ Ngày hiện tại: NSD kiểm tra xem đúng ngày hiện tại không, nếu không thì phải sửa lại sao cho đúng thì dữ liệu backup mới chính xác
 - + Menu Manage/Old Business Term
 - ⇒ Sau khi lưu trữ, Người sử dụng có thể xem được các dữ liệu cũ bằng cách sử dụng menu này.

Menu Database

- Optimal database: Tối ưu hoá cơ sở dữ liệu
- Back up Database: Lưu trữ dữ liệu dự phòng.
- Recover database: Khôi phục dữ liệu dự phòng
- Clear Previous Database: Xóa dữ liệu của năm trước, chỉ vào chương trình với quyền Admin thì mới có thể xóa được
- Menu Clear Database (Chỉ cho quyền Admin): Chức năng này dùng để tối ưu cơ sở dữ liệu. Khi chạy chương trình để lấy dữ liệu một thời gian, sau đó nếu Người sử dụng muốn hủy bỏ tất cả dữ liệu cũ (dữ liệu thuộc phần

tra cứu thông tin) ở trên máy tính của mình thì chạy chức năng này để chương trình xoá đi một phần hoặc toàn bộ dữ liệu thuộc phần tra cứu thông tin.

Set Fields of Message

Xem thông tin về các trường của các điện MT gửi lên VCB.

3. PHÂN HỆ THƯ ĐIỆN TỬ VÀ DỊCH VỤ TRAO ĐỔI THÔNG TIN TRÊN MẠNG (MENU MAIL/MESSAGE)

Menu Compose Message

Sử dụng menu này để viết thư gửi thông tin đến Ngân hàng. Ví dụ Người sử dụng muốn viết thư cho user có tên là VCBAAdmin. Người sử dụng gõ tên “VCBAAdmin” vào mục “To” và nhấn vào nút “Send” trên thanh công cụ hoặc nhấn vào menu Send, bức thư sẽ được gửi vào InBox của VCB Trung ương

Menu Mailbox

Chức năng này giúp Người sử dụng kiểm tra nội dung hộp thư. Có thể xem nội dung hộp thư bằng cách nháy đúp vào Inbox hoặc xem những thông tin chung bằng cách nháy đúp vào Public

4. CÀI ĐẶT CHƯƠNG TRÌNH

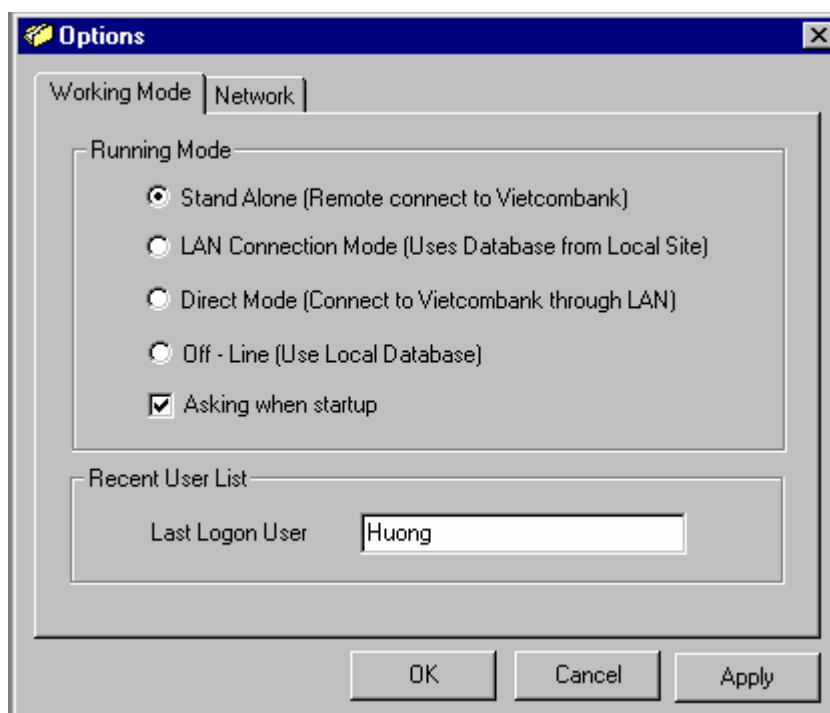
Từ đĩa CD người sử dụng tiến hành chạy file Setup.exe. Thực hiện các hướng dẫn như trên màn hình.

Đối với màn hình Registration các thông tin cần nhập sẽ tiến hành như sau:

Chú ý:

- Đối với các đơn vị không tham gia thanh toán thì không **check** vào phần ‘**Payment**’ và phần **User** bỏ trống, cụ thể trên màn hình là chữ ‘**Thanh**’ sẽ không phải gõ vào.

- IBPS: Phục vụ cho Khách hàng tham gia thanh toán
 - User: Mã connect vào VCB
 - Level: Mức sử dụng chương trình như đã đề cập ở trên
 - Branch: Chi nhánh VCB mà Khách hàng tiến hành giao dịch
2. Các font sử dụng: VnTime, VnTimeH, VnCentury Schoolbook, VnCentury SchoolbookH, MS Sans Serif, VnArial(Western), VnArialH, VnSouthernH
 3. Sau khi cài đặt xong tiến hành chạy chương trình. Vào chương trình với user name: admin, Password: admin.
 4. Thiết lập các “User” có quyền sử dụng chương trình vào menu System/User Management.
 5. Thiết lập một Connection tới VCB. Vào menu System/System Setting
 - Phần Working Mode chọn: Standard Alone(Remote connect to Vietcombank)
 - Phần Network/config entries: Bấm nút New để tạo 1 Connection mới. Nút Edit để sửa 1 connection đã tồn tại.



Chú ý: Để kiểm tra connection của Người sử dụng qua chương trình, chọn menu System/System Setting

